| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG ĐIỀN**<br>**TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 155 /2023/HS-ST
Ngày: 15-9-2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thu Hiền

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Mộng Thu

Bà Nguyễn Thị Quế Phượng

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Tín

***- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền – tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu***: Bà Nguyễn Thị Thu Kiều.

Ngày 15 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 131/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 07 năm 2023 về tội "Trộm cắp tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 08 năm 2023, đối với:

**Các bị cáo: 1.** Đỗ Hữu N**,** giới tính: Nam; Sinh năm: 1982, tại: Hải Phòng. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số E đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú nhất định.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không. Cha: Đỗ Hữu H (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1959; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có hai anh em; Vợ, con: Không.

Tiền án:

- Bản án số 136/2012/HSST ngày 25/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/01/2015.

- Bản án số 80/2016/HSST ngày 17/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 42 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 15/3/2019.

- Bản án số 207/2020/HS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 28/01/2022.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2023, sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 08/4/2023 theo Lệnh tạm giam số 21/LTG ngày 08/4/2023 của Cơ quan CSĐT Công an huyện L. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L.

**2. Danh P,** giới tính: Nam; Sinh năm: 1992, tại: Kiên Giang. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp F, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú nhất định.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơmer; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không. Cha: Danh H (đã chết); Mẹ: Lê Thị Thúy H1, sinh năm: 1966. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có hai chị em. Vợ: Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1996; Có hai người con, lớn nhất sinh năm: 2016, nhỏ nhất sinh năm: 2019.

Tiền án:

- Bản án số 150/2020/HS-ST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18/01/2021.

- Bản án số 166/2022/HS-ST ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 11/9/2022.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 47/2010/HSST ngày 09/4/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 19/01/2014.

Nhân thân: Quyết định số 235/QĐ-TA ngày 02/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong thời hạn 20 tháng, chấp hành xong quyết định vào ngày 02/02/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2023 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 38/LB ngày 08/4/2023 của Cơ quan CSĐT Công an huyện L. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L.

**Bị hại:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

**Người làm chứng:** + Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1976; địa chỉ: Số A, đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

+ Bà Lê Thị Thúy H1, sinh năm 1966; địa chỉ: D P, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Vào khoảng 08 giờ ngày 03/3/2023, Danh P điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda CKD, màu đỏ-xám, biển số 61R3-8395 chở Đỗ Hữu N đi từ thành phố V đến huyện L để tìm việc làm. Khi đi ngang qua một khu chợ tạm thuộc ấp P, xã P, huyện

L, N nhìn thấy có một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu trắng, biển số 72K1-338.80 của chị Nguyễn Thị M đang dựng phía trước chợ, trong hộc xe để đồ phía trước có một chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A54, màu đen. Thấy vậy, N kêu P quay xe lại, đi vào gần sát với xe mô tô của chị M để N lấy chiếc điện thoại trên. P đồng ý quay xe đi lại gần sát chiếc xe mô tô của chị M, quan sát xung quanh thấy không có người để ý (vì lúc này chị M đi vào chợ mua đồ, con gái chị M đang đứng gần đuôi xe, mặt hướng vào trong chợ) nên N dùng tay lấy chiếc điện thoại trên rồi P tăng ga bỏ chạy thoát. P và N chạy về Vũng Tàu, đến cửa hàng điện thoại "H" tại số A, Đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do chị Nguyễn Thị H2 làm chủ cầm cố được số tiền 1.000.000đ, N cất giữ (chưa chia cho P). Sau khi phát hiện mất chiếc điện thoại, chị M đến Công an xã P trình báo sự việc, qua trích xuất camera nhà dân đã xác định được đối tượng nghi vấn nên Công an xã P tổ chức tuần tra truy tìm. Sau khi cầm cố điện thoại, P điều khiển xe mô tô chở N quay lại huyện L để tiếp tục kiếm việc làm, gặp lực lượng Công an xã P phát hiện yêu cầu dừng xe nên P tăng ga bỏ chạy được khoảng 500m thì N nhảy xuống xe chạy bộ trốn thoát, P tiếp tục chạy được khoảng 100m thì bị lực lượng Công an xã P đuổi kịp và mời P về làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Danh P đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Ngày 07/4/2023, Đỗ Hữu N đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL.HDĐGTS ngày 13/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện L kết luận: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A54, màu đen, đã qua sử dụng, trị giá 2.500.000đ.

**Vật chứng thu giữ và xử lý:**

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A54, màu đen, đã qua sử dụng do chị Nguyễn Thị H2 tự nguyện giao nộp, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả điện thoại cho bị hại chị Nguyễn Thị M.

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda CKD, màu đỏ-xám, biển số 61R3-8395 do bà Lê Thị Thúy H1 (sinh năm: 1966, nơi cư trú: Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - là mẹ của Danh P) làm chủ sở hữu, bà H1 để xe mô tô trong phòng trọ, việc Danh P và Đỗ Hữu N tự ý sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản vào ngày 03/3/2023 bà H1 không biết. Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả xe mô tô cho bà H1.

- Số tiền 1.000.000đ do Đỗ Hữu N tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả, đã giao trả cho chị Nguyễn Thị H2.

- 01 đĩa CD chứa đựng dữ liệu điện tử ghi lại hình ảnh Danh P và Đỗ Hữu N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 03/3/2023, lưu theo hồ sơ vụ án.

**Về trách nhiệm dân sự:** Chị Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị H2 sau khi nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

**Tại bản cáo trạng số:** 129/CT-VKSLĐ, ngày 10-7-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Long Điền để xét xử bị cáo Danh P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ

luật hình sự; truy tố bị cáo Đỗ Hữu N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo theo nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

**Về trách nhiệm hình sự:**

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt Đỗ Hữu Nhân từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt Danh Phúc từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

**Xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS: Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 01 đĩa CD chứa đựng dữ liệu điện tử ghi lại hình ảnh Danh P và Đỗ Hữu N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 03/3/2023.

**Về trách nhiệm dân sự:** Không xem xét.

Tại phiên tòa, Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố cũng như lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đã ăn năn hối cải, không dám tái phạm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2]** Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét thấy, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ ngày 03/3/2023, Danh P và Đỗ Hữu N đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A54, màu đen, đã qua sử dụng, trị giá 2.500.000đ của chị Nguyễn Thị M đang để trong hộc để đồ phía trước của xe mô tô dựng phía trước khu chợ T1 thuộc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hành vi của bị cáo Danh P đã đủ yếu tố cấu thành tội ***"Trộm cắp tài sản"*** theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự. Hành vi của bị cáo Đỗ Hữu N do lần

phạm tội này là tái phạm nguy hiểm nên đã đủ yếu tố cấu thành tội ***"Trộm cắp tài sản"*** theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo vẫn bất chấp cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ đồng thời gây mất tự trị an trên địa bàn, thể hiện tính coi thường pháp luật nên cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

**[3] Về đồng phạm:** Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công cấu kết chặt chẽ.

**[4]** Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Danh P đã có tiền án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này bị cáo P bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là **"Tái phạm"** theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đỗ Hữu N đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000đ là tiền cầm cố chiếc điện thoại di động của chị M để khắc phục hậu quả, số tiền này đã giao trả cho chị Nguyễn Thị H2 nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội của mình đã ra trình diện và khai báo với cơ quan công an có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

**[5]** Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Đỗ Hữu N có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; hơn nữa bị hại đã nhận lại tài sản, bị cáo N cũng đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho chị H2; từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo N được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

**[6]** Đối với chị Nguyễn Thị H2 khi nhận cầm cố chiếc điện thoại của Đỗ Hữu N và Danh P, chị H2 không biết điện thoại do N và P trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Qua điều tra, Đỗ Hữu N và Danh P khai nhận vào ngày 02/3/2023, N và P còn thực hiện một vụ trộm cắp tài sản là 03 thùng bia S của một tiệm tạp hóa trên địa bàn xã P, huyện L nhưng N và P không nhớ địa điểm cụ thể. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm bị hại nhưng đến nay chưa xác định được bị hại trong vụ trộm trên. Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã ra Quyết định tách hành vi trộm cắp tài sản của N và P vào ngày 02/3/2023 để tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau.

**[7]** Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

**[8]** Về vật chứng trong vụ án: 01 đĩa CD chứa đựng dữ liệu điện tử ghi lại hình ảnh Danh P và Đỗ Hữu N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 03/3/2023 là vật chứng cần lưu theo hồ sơ vụ án.

**[9]** Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Về trách nhiệm hình sự:** Tuyên bố bị cáo Danh P và bị cáo Đỗ Hữu N phạm tội ***"Trộm cắp tài sản"***.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52; Các Điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Danh P 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24-5-2023.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 58, 38, 54 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu N 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07-4-2023.

**2. Về vật chứng trong vụ án:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa CD chứa đựng dữ liệu điện tử ghi lại hình ảnh Danh P và Đỗ Hữu N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 03/3/2023.

**3. Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Danh P và bị cáo Đỗ Hữu N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15-9-2023), các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh BRVT;
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BRVT;
- Công an tỉnh BRVT (PV06-PC10);
- VKS huyện Long Điền;
- CA huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Lê Thu Hiền**